

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **119 /2019/DS-ST**

Ngày 15 / 11 /2019

“Tranh chấp liên quan đến tài sản thi
hành án theo quy định của pháp luật về
thi hành án dân sự”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đào Thị Thu Thủy**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lý Thuý Hà** và **Lý Thị Nhân**.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà **Quan Thị Nghị** - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên toà:*** Bà **Hoàng Thị Hải Vân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2019/TLST-DS ngày 21/02/2019 về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐST- DS ngày 23/9/2019, giữa:

* ***Nguyên đơn:*** Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

* ***Bị đơn:*** Ông **Nhữ Quang H**, sinh năm 1966

và bà **Ma Thị C**, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố T, tỉnh T. Ông H có mặt, bà C vắng mặt.

* ***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh **Nhữ Quang M**, sinh năm 1996

2. Chị **Nhữ Thị Diễm Q**, sinh năm 2000

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố T, tỉnh T. Anh M có mặt, chị Q vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Ma Thị C và chị Nhữ Thị Diễm Q: Ông **Nhữ Quang H**, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

3. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1955

Địa chỉ: tổ 11, phường H, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

4. Cục Thi hành án dân sự tỉnh T

Địa chỉ: Số 6, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Ngọc Đ – Chức vụ: Chấp hành viên. Có mặt.

5. Ông Nhữ Hùng C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, thành phố T, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn – ông Bùi Văn H trình bày:***

Ông là người được thi hành án theo Quyết định số 14/2015/QĐST-DS ngày 02/02/2015 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, theo quyết định này thì vợ chồng ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C phải có nghĩa vụ trả cho ông tổng số tiền là 299.353.000 đồng, trong đó ông H phải trả cho ông là 149.676.000 đồng và bà C phải trả cho ông là 149.676.000 đồng. Quá trình thi hành án, cục thi hành dân sự tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành thủ tục bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 000302/TL ngày 18/10/2012 mang tên hộ ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh T. Số tiền bán đấu giá tài sản được 471.400.600 đồng, sau khi trừ số tiền còn nợ là 182.468.750 đồng do ông bà HC đã thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để vay Ngân hàng và 35.920.012 đồng chi phí trong việc bán đấu giá tài sản thì còn lại số tiền là 243.011.838 đồng. Do Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang xác định trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi chữ hộ ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C nên đã dự kiến đó là tài sản chung của toàn hộ gia đình ông Nhữ Quang H (bao gồm ông H, bà C và 02 người con là Nhữ Quang M và Nhữ Thị Diễm Q) để chia làm bốn phần, phần của ông bà HC sẽ được thi hành án cho ông và 10 người khác đang chờ được thi hành án. Ông thấy Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang dự kiến chia theo phần như vậy xong mới thi hành án là không đúng. Vì vậy ông khởi kiện vụ án dân sự tại Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đề nghị xác định tài sản là nhà, đất thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 52, diện tích 4.336,1m², địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã T, thành phố T là của vợ chồng ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C. Do tài sản nhà, đất này hiện đã bị thi hành án bằng hình thức bán đấu giá chỉ còn số tiền là 243.011.838 đồng do Cục thi hành án tỉnh Tuyên Quang quản lý nên đề nghị Tòa án xác định số tiền còn lại từ việc bán đấu giá tài sản là thuộc sở hữu của ông bà HC chứ không phải của hộ gia đình gồm 4 người nhà ông Nhữ Quang H.

**** Tại bản tự khai và Biên bản hoà giải, bị đơn - ông Nhữ Quang H trình bày:***

Vào ngày 04/01/2011, gia đình ông cùng gia đình ông Nhữ Hùng C (trú tại thôn 3, xã A, thành phố T) có thỏa thuận việc mua đất tại thôn H, xã T, thành phố T của chị em ông Tiêu Văn Nc và bà Tiêu Thị T (cùng trú tại thôn H, xã T, thành phố T), cụ thể: Gia đình ông (ông bà HC) mua phần đồi cọ và ao; Gia đình ông Nhữ Hùng C mua 06m đất mặt đường chiều dài chạy xuống bờ ao (giáp đất nhà ông T); Bà T để lại phần diện tích đất còn lại phía giáp đất nhà ông P. Để thuận tiện cho việc làm Giấy CNQSD đất, hai gia đình đã thống nhất để hộ gia đình ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C đứng tên trong Giấy CNQSD đất và sau này sẽ tách đất cho gia đình ông C. Ngày 18/10/2012, UBND thành phố Tuyên Quang đã cấp Giấy CNQSD đất số CH 000302/TL mang tên hộ ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 52, diện tích 4.336,1m². Sau đó gia đình ông đã thế chấp quyền sử dụng đất này để vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang lấy tiền kinh doanh và xây dựng chuồng trại chăn nuôi lợn. Nhưng vì việc chăn nuôi bị thua lỗ nên không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang kê biên tài sản và bán đấu giá theo quy định pháp luật để thu hồi nợ. Căn cứ theo thông báo số 295/TB-CTHADS ngày 22/4/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tuyên Quang về xác định quyền sử hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất của gia đình ông để thi hành án, khoản tiền sau khi đã trả nợ cho Ngân hàng còn lại là 243.011.838 đồng, cơ quan thi hành án đã xác định sẽ chia đều cho các thành viên trong hộ gia đình ông. Vì vậy ông đề nghị Toà án phân chia tài sản chung là số tiền còn lại nêu trên của hộ gia đình ông trả lại cho các con của ông theo quy định pháp luật.

* Tại bản tự khai, bị đơn - bà Ma Thị C trình bày nội dung và đề nghị như nội dung trình bày của ông Nhữ Quang H.

*** *Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Nhữ Quang M trình bày:*** Gia đình anh có mảnh đất và vật kiến trúc, cây trồng trên đất thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 52, diện tích 4.336,1m² tại thôn H, xã T, thành phố T. Mảnh đất này có nguồn gốc do ông Nhữ Hùng C là chú ruột anh cùng với bố mẹ đẻ anh là ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C chung nhau mua để làm tài sản riêng cho anh và em gái anh là Nhữ Thị Diễm Q, nhưng do chưa hiểu hết các quy định của pháp luật nên đã để cho bố mẹ anh đứng tên trong Giấy CNQSD đất. Tuy nhiên anh khẳng định đây là tài sản chung của cả hộ gia đình nhà anh gồm bố, mẹ anh và em gái anh. Sau đó bố mẹ anh là Nhữ Quang H và Ma Thị C đã mang quyền sử dụng đất này thế chấp ngân hàng để vay tiền mà không cho anh em anh biết. Sau này được Cục THADS tỉnh Tuyên Quang thông báo là mảnh đất này đã bị cưỡng chế kê biên bán đấu giá để thi hành án trả nợ cho ngân hàng. Căn cứ theo thông báo số 295/TB-CTHADS ngày 22/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang về xác định quyền sử hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất của gia

đình anh để thi hành án thì khoản tiền còn lại là 243.011.838 đồng dự kiến sẽ chia đều cho các thành viên trong hộ gia đình anh. Anh không nhất trí với nội dung đề nghị của ông Bùi Văn H, đề nghị Toà án xem xét phân chia số tài sản chung là số tiền nêu trên của hộ gia đình anh để trả lại phần của anh và phần của em gái anh là Nhữ Thị Diễm Q theo quy định pháp luật.

* Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - chị Nhữ Thị Diễm Q trình bày nội dung và đề nghị như nội dung trình bày của anh Nhữ Quang M.

*** *Tại bản tự khai và biên bản hoà giải, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Ngày 27/3/2019, ông có mua tài sản bán đấu giá nhà đất qua Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, tài sản là nhà và quyền sử dụng đất của ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C tại thôn H, xã T, thành phố T. Tại Quyết định số 24 ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang và theo hồ sơ số 02521 TH 75, sau khi Nhà nước đã thu hồi, thì còn lại phần đất ở nông thôn là 80m²; đất trồng cây lâu năm là 1.815,2m² theo Giấy CNQSD đất số BI 689153 số vào sổ cấp giấy CH 000302 do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 18/10/2012 mang tên hộ ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C (trú tại thôn 2, xã L, thành phố T). Nay ông Bùi Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Toà án xác định phần sở hữu tài sản của ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C đối với số tiền còn lại trong việc bán đấu giá tài sản ông đã mua là quyền sử dụng đất nêu trên, ông có ý kiến: việc mua tài sản trên của ông là đúng quy định pháp luật, nay ông đã hoàn tất xong mọi thủ tục như thanh toán tiền, các khoản phí, lệ phí theo quy định, sau đó ông đã tiến hành việc chuyển đổi quyền sử dụng và ông đã đứng tên trên Giấy CNQSD đất. Trước yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H, ông đề nghị TAND thành phố Tuyên Quang xem xét, giải quyết đúng quy định pháp luật.

*** *Tại văn biên bản hoà giải, đại diện theo uỷ quyền của Cục thi hành án dân sự tỉnh T - ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày:***

Trong quá trình thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh T cũng mong muốn các đương sự thoả thuận với nhau về việc thi hành án nhưng do các đương sự không thống nhất được với nhau nên đã tiến hành thi hành tài sản là nhà và quyền sử dụng đất của hộ ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C theo quy định. Đề nghị Toà án xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H theo quy định của pháp luật. Hiện nay tài sản là nhà và quyền sử dụng đất của ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C tại thôn H, xã T, thành phố T đã được Cơ quan thi hành án thực hiện bán đấu giá qua Trung tâm bán đấu giá tài sản để ông H bà C trả nợ cho ngân hàng số tiền còn nợ, số tiền còn lại là **243.011.838** đồng hiện Cơ quan THA đang quản

lý (bằng hình thức gửi tiết kiệm) để chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang và đảm bảo việc thi hành án. Theo danh sách những người được THA thì ông H và bà C còn phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông Bùi Văn H và 10 người khác.

**** Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - ông Nhữ Hùng C trình bày:***

Đầu năm 2011, ông có thoả thuận mua chung với ông Nhữ Quang H một mảnh đất của ông Tiêu Văn N tại thôn H), xã T, thành phố T thửa đất số 27, tờ bản đồ 12. Trong đó phần của ông là diện tích có kích thước: Chiều rộng tám mét đường nhựa liên xã Thái Long là 6m, chiều sâu 35m (đến bờ ao). Ông và ông H thống nhất để gia đình ông Nhữ Quang H đứng tên làm sổ đỏ và hoàn thiện các thủ tục cấp sổ đỏ. Do trong thửa đất có nhiều phần diện tích khác nhau nên các ông đã làm thoả thuận trên để tránh các tranh chấp về sau nếu có. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết buộc ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C trả lại cho ông diện tích 210m², trị giá 90.000.000 đồng tại thôn H, xã T, thành phố T có kích thước như đã nêu trên.

Ông Nhữ Hùng C đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án (do bà Ma Thị C nộp thay).

Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhiều lần triệu tập các đương sự trong vụ án có mặt tại trụ sở để làm việc, đối chiếu công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có nguyên đơn – ông Bùi Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang có mặt; các bị đơn gồm ông Nhữ Quang H, bà Ma Thị C; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Nhữ Quang M, chị Nhữ Thị Diễm Q và ông Nhữ Hùng C có mặt không đầy đủ tại các buổi làm việc do Toà án tiến hành.

Các văn bản tố tụng đã được Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang gửi bảo đảm, tổng đạt hợp lệ và niêm yết theo quy định.

Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, kết quả thể hiện: Tại Phòng tài nguyên môi trường thành phố Tuyên Quang có lưu trữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 689153 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 661469 cấp ngày 29/8/2012 tên hộ ông Tiêu Văn N và bà Trần Thị N; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 11/10/2012 tên người nộp thuế Nhữ Quang H - Ma Thị C; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 10/10/2012 tên người nộp thuế Tiêu Văn N - Trần Thị N; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất định danh về người nộp thuế tên chủ tài sản ông Nhữ Quang H bà Ma Thị C; Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số 2214/CCT-KKKTT&TH ngày 10/10/2012 gửi người nộp thuế ông Tiêu Văn N, bà Trần

Thị N; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/09/2012 tại phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang giữa bên chuyển nhượng: ông Tiêu Văn N, bà Trần Thị N và bên nhận chuyển nhượng: vợ chồng ông Nhữ Quang H, bà Ma Thị C (có lời chứng của công chứng viên Ninh Văn T); Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất họ và tên Nhữ Quang H và vợ Ma Thị C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 689153 cấp ngày 18/10/2012 tên họ ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C; Biên bản xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (có chữ ký của chủ sử dụng đất: Nhữ Quang H).

Tại phiên toà:

Ông Bùi Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Toà án, ông cho rằng nguồn gốc nhà đất tại thôn H, xã T, thành phố T là do ông bà HC dùng tiền vay của ông và nhiều người khác (vào khoảng hơn ba tỷ) để mua làm trang trại và nuôi con ăn học. Việc mua bán đất chỉ có vợ chồng ông bà HC và vợ chồng ông Tiêu Văn N là chủ đất cũ theo Hợp đồng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang. Giấy thỏa thuận việc mua bán có tên ông Nhữ Hùng C là không đúng, không tuân thủ quy định pháp luật, không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy ông đề nghị TAND thành phố xem xét quyết định tài sản đó là của ông H, bà C chứ không phải tài sản của hộ gia đình, tuy Giấy CNQSD đất ghi chữ hộ nhưng chỉ có tên ông H và bà C chứ không ghi là của hộ gia đình. Căn cứ chứng minh là trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi rõ người mua chỉ là vợ chồng ông H, bà C mua diện tích đất này. Mặt khác, vợ chồng ông bà H - C đã vay tiền của ông và 10 người khác nữa để mua tài sản này, sau đó mang quyền sử dụng đất thế chấp để vay tiền ngân hàng cũng không có 02 con của ông H đứng ra ký thế chấp. Khi ông bà H, C không trả được tiền vay cho Ngân hàng đã phải nhất trí bán nhà, đất để trả nợ, tài sản bán đấu giá xong đã trả hết số tiền đã vay của Ngân hàng và chi phí thi hành án. Lúc này cơ quan THA tỉnh Tuyên Quang lại xác định tài sản này là của hộ gia đình gồm 04 người là ông H, bà C và 02 con M, Q là không đúng. Đề nghị Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xác định đây là tài sản của ông H và bà C, không liên quan gì đến 02 con ông bà H, C của để thi hành số tiền 243.011.838 đồng trả nợ cho ông và 10 người khác. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án thấu tình đạt lý.

Ông Nhữ Quang H không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H, theo ông Giấy CNQSD đất thể hiện là của hộ gia đình ông. Quá trình thi hành án, Cục thi hành án đã hướng dẫn ông là phải bán đấu giá tài sản để trả nợ cho Ngân

hàng xong thì sẽ chia tài sản cho các thành viên trong hộ gia đình ông, lúc đó phần tiền thuộc sở hữu của vợ chồng ông sẽ được thi hành án theo quy định còn phần tiền của các con ông sẽ trả lại cho các con ông là Nhữ Quang M và Nhữ Thị Diễm Q. Vì vậy ông đề nghị Tòa án phân chia số tiền 243.011.838 đồng còn lại sau khi bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất tại thôn H, xã T, thành phố T của gia đình ông để trả lại cho các con ông ăn học.

Anh Nhữ Quang M có ý kiến: Khi bố mẹ anh mua đất của ông N tại thôn H, xã T, thành phố T thì anh và em gái anh còn nhỏ nên không biết cụ thể là mua năm nào, bao nhiêu mét vuông và bao nhiêu tiền, sau này gia đình anh làm nhà và chuồng trại để kinh doanh chăn nuôi lợn. Anh xác định đất đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình anh thì thuộc quyền sở hữu của tất cả các thành viên trong hộ gia đình nhà anh. Việc bố mẹ anh phải thi hành án là nghĩa vụ của bố mẹ anh, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án này theo quy định pháp luật để anh và em gái anh nhận lại được số tiền theo phần của anh em anh. Ông Bùi Văn H cho rằng bố mẹ anh dùng tiền vay của ông và những người khác để mua mảnh đất nêu trên là không có căn cứ.

Ông Nguyễn Văn H nộp cho HĐXX 02 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đã mua đấu giá) tại thôn H, xã T, thành phố T mang tên chủ sử dụng Nguyễn Văn H, ông đề nghị Tòa án chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H đối với số tiền **243.011.838** đồng theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc Đ nộp cho HĐXX 01 bản photo Giấy chứng nhận tiền gửi số tiền **244.237.878** đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Tuyên Quang và trình bày về sự phát sinh thêm 1.226.040 đồng là tiền lãi vào thời điểm gửi tiền ngày 17/5/2019 do trước đó Cục thi hành án tỉnh Tuyên Quang có gửi tiết kiệm ngân hàng. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật để Cục thi hành án tỉnh Tuyên Quang làm căn cứ thi hành án.

Ông Nhữ Hùng C vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên ngày 08/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhận được Đơn xin rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C phải trả cho ông diện tích 210m2 đất, trị giá 90.000.000 đồng tại thôn H, xã T, thành phố T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đối với nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H:

- Xác định quyền sở về tài sản đối với số tiền là **244.2371.878** đồng (tính đến ngày 17/5/2019), sau khi bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thôn H, xã T, thành phố T để thi hành án là thuộc sở hữu của ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nhữ Hùng C về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C phải trả cho ông diện tích 210m2 đất, trị giá 90.000.000 đồng tại thôn H, xã T, thành phố T. Trả lại cho ông

C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Bùi Văn H không phải chịu án phí; ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C phải chịu án phí theo quy định.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H: do người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không tự thỏa thuận được với nhau về số tiền còn lại là **243.011.838** đồng, sau khi bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thôn H, xã T, thành phố T nên ông H khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết xác định về quyền sở hữu tài sản là phù hợp quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự và quan hệ pháp luật được xác định trên cơ sở của khoản 12 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự là: *“Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H:

Ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C là người phải thi hành Quyết định số 14/2015/QĐST –DS ngày 02/02/2015 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang; thi hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 338/QĐ-CCTHA ngày 06/02/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, theo đó ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C mỗi người phải thi hành khoản tiền trả nợ là 149.676.500đ và lãi suất chậm thi hành án theo quy định. Ngày 12/02/2015, Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 13/QĐ-CTHADS để tiếp tục tổ chức thi hành án đối với Quyết định số 14/2015/QĐST –DS ngày 02/02/2015 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang và Quyết định thi hành án số 338/QĐ-CCTHA ngày 06/02/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

Xét thấy các Quyết định nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, việc Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ra Quyết định thi hành án đối với ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C là đúng quy định pháp luật. Quá trình thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang đã quyết định cưỡng chế kê biên, bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh T, đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 689153, số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số CH 000302/TL ngày 18/10/2012 tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: hộ ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C, tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 52, diện tích 4.336,1m², hình thức sử dụng đất: riêng 4336.1m², chung: không; Mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn: 120,0m², đất trồng cây lâu năm: 4216,1m².

Xét thấy: Thửa đất số 113, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh T đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp Giấy CNQSD đất tên **hộ ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C**; nguồn gốc đất hình thành từ việc ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Tiêu Văn N và bà

Trần Thị N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang ngày 04/9/2012. Quá trình sử dụng không có tranh chấp với các hộ giáp ranh liền kề; quá trình ông bà HC tiến hành các thủ tục xin cấp Giấy CNQSD đất không có vướng mắc gì với ai về quyền sử dụng. Việc ông bà HC thế chấp quyền sử dụng đất đã được cấp để vay tiền Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển tỉnh Tuyên Quang không có sự phản đối của thành viên nào trong hộ gia đình. Sau đó ông H là người thay mặt gia đình trực tiếp tham gia trong quá trình Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang tiến hành các thủ tục bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên để trả nợ cho Ngân hàng, quá trình này cũng không có bất cứ ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại gì của các thành viên trong hộ gia đình gồm ông bà HC và hai con của ông bà là Nhữ Quang M và Nhữ Thị Diễm Q. Sau khi ông Bùi Văn H là người được thi hành án có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu tài sản của ông bà HC đối với số tiền 243.011.838 đồng (tính đến ngày 17/5/2019 là 244.237.878 đồng), lúc này anh Nhữ Quang M và chị Nhữ Thị Diễm Q cùng có ý kiến đề nghị Tòa án phân chia quyền sở hữu tài sản đối với số tiền nêu trên nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào về việc cùng tạo lập hoặc đóng góp vào khối tài sản là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thôn H, xã T, thành phố T.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và từ phân tích nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định: tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh T là tài sản chung của ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C. Tài sản này hiện đã được Cục thi hành án tỉnh Tuyên Quang tiến hành bán đấu giá cho người mua là ông Nguyễn Văn H. Sau khi trừ đi số tiền trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển tỉnh Tuyên Quang và các khoản chi phí trong quá trình thi hành án, số tiền hiện còn là 244.237.878 đồng (tính đến ngày 17/5/2019 Cục thi hành án tỉnh Tuyên Quang tiếp tục gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tuyên Quang). Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H, xác định quyền sở hữu đối với tài sản là số tiền 244.237.878 đồng và lãi phát sinh tiền gửi tại ngân hàng là thuộc quyền sở hữu chung của ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C.

Giá trị cụ thể phần sở hữu trong số tiền 244.237.878 đồng như sau: phần sở hữu của ông Nhữ Quang H là 122.118.939 đồng và lãi phát sinh tiền gửi; phần sở hữu của bà Ma Thị C là 122.118.939 đồng và lãi phát sinh tiền gửi của số tiền này tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tuyên Quang.

3. Đối với yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Do ông Nhữ Hùng C có đơn xin rút đơn khởi kiện trước khi Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm nên cần đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Nhữ Hùng C.

4. Về án phí:

Do ông Nhữ Hùng C rút đơn yêu cầu nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng.

Ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C phải nộp án phí có giá ngạch của vụ án trong phần tài sản được Toà án xác định thuộc quyền sở hữu của mình.

Ông Bùi Văn H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 12 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 33, 34 Luật hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 207, 208, 209, 212, 213, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615 của Bộ luật dân sự;

- Điều 167, 188 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H về yêu cầu Toà án xác định quyền sở hữu của ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C đối với số tiền **244.237.878** đồng còn lại (tính đến ngày 17/5/2019) sau khi bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã T, thành phố T (Đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 689153, sổ vào sổ cấp giấy CNQSD đất: CH 000302/TL ngày 18/10/2012 mang tên hộ ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C).

Số tiền này hiện đang do Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang quản lý bằng hình thức gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tuyên Quang)

2. Xác định:

Số tiền **244.237.878** đồng còn lại (tính đến ngày 17/5/2019) sau khi bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã T, thành phố T là tài sản chung của ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C.

Phần sở hữu về tài sản của ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C cụ thể như sau: Phần sở hữu của ông Nhữ Quang H là 122.118.939 đồng và lãi phát sinh tiền gửi; phần sở hữu của bà Ma Thị C là 122.118.939 đồng và lãi phát sinh tiền gửi của số tiền này tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tuyên Quang.

Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang tiếp tục xử lý tài sản là số tiền **244.237.878** đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn*

tám trăm bảy mươi tám đồng) tính đến ngày 17/5/2019 và lãi phát sinh tiền gửi theo quyết định của bản án và theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Nhữ Hùng C về việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C phải trả lại diện tích 210m² đất, trị giá 90.000.000 đồng tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh T.

4. Về án phí:

Ông Nhữ Quang H và bà Ma Thị C mỗi người phải nộp án phí có giá ngạch của vụ án là 6.105.946 đồng (*Sáu triệu một trăm linh năm nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng*).

Ông Bùi Văn H không phải nộp án phí.

Trả lại cho ông Nhữ Hùng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000469 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nguyên đơn - ông Bùi Văn H; bị đơn - ông Nhữ Quang H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn – bà Ma Thị C; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm anh Nhữ Quang M, chị Nhữ Thị Diễm Q, ông Nguyễn Văn H, ông Nhữ Hùng C và Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt khi HĐXX tuyên án) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS Tp Tuyên Quang (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Thu Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thuý Hà - Lý Thị Nhân

Đào Thị Thu Thuỷ

